

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. Z
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 14/2017/KDTM-ST
Ngày 01/9/2017
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà **LÊ THỊ HẠNG**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **NGÔ TIẾN THÀNH**
Bà **NGUYỄN THỊ TỈNH**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **TRẦN THÚY OANH** – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Z

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Z tham gia phiên tòa:*

Bà **NGUYỄN THỊ NHƯ HẠNH** - Kiểm sát viên

Ngày 01/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Z xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2017/KDTM-ST ngày 17/02/2017 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXXST-KDTM ngày 17/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2017/QĐST-KDTM ngày 02/8/2017 và giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **NGÂN HÀNG TMCP KL**

Địa chỉ: 40-42-44 đường PHT, phường VTC, TP.RG, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: ông **Võ Văn Ch** – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Bôn V** (theo giấy quyền số 1127/UQ-NHKL ngày 31/8/2017).

Có mặt tại phiên tòa.

* *Bi đơn:* Bà **BÙI THỊ TUYẾT NH** - chủ hộ kinh doanh **Bùi Thị Tuyết Nh**

Địa chỉ: 01 đường ĐL, phường PT, thành phố Z, Khánh Hòa. Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Bùi Thị Như S**

Địa chỉ: Thôn XP, xã ST, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà **Bùi Thị Minh Ng**

Địa chỉ: Tổ 11 HT, phường VH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

(Bà S, Ng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Bôn V đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 17/11/2010, Ngân hàng TMCP KL - Chi nhánh Khánh Hòa (Viết tắt là *Ngân hàng*) và bà Bùi Thị Tuyết Nh - chủ hộ kinh doanh Bùi Thị Tuyết Nh (Viết tắt là *bà Bùi Thị Tuyết Nhung*) có ký hợp đồng tín dụng số TD1547/HĐTD và giấy đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ số 1547.1 với nội dung: Ngân hàng TMCP KL - Chi nhánh Khánh Hòa cho bà Bùi Thị Tuyết Nh vay số tiền là 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*), mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay là 12 tháng, phương thức cho vay từng lần, lãi suất cho vay là 1,8%/tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng KL tại thời điểm thay đổi lãi

suất cộng biên độ 0,59%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn; hình thức thanh toán: Vốn trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 17/11/2010 bà Bùi Thị Tuyết Nh đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC0843/HĐTC để thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ Thôn DS, xã ST, huyện DK (nay là huyện CL), tỉnh Khánh Hòa, theo giấy CN QSD đất số T 235834, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01479/QSDĐ/ST-DK do Ủy ban nhân dân huyện DK cấp cho bà Bùi Thị Tuyết Nh ngày 03/9/2002. Đồng thời cũng để đảm bảo cho khoản vay trên của bà Nh, ngày 17/11/2010 bà Bùi Thị Minh Ng đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số TC0845/HĐTC để thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ Thôn DS, xã ST, huyện DK (nay là huyện CL), tỉnh Khánh Hòa, theo giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 235835, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01480/QSDĐ/ST-DK do Ủy ban nhân dân huyện DK cấp cho bà Bùi Thị Minh Ng ngày 03/9/2002 và bà Bùi Thị Như S đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số TC0844/HĐTC để thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ Thôn DS, xã ST, huyện DK (nay là huyện CL), tỉnh Khánh Hòa, theo giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 235837, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01487/QSDĐ/ST-DK do Ủy ban nhân dân huyện DK cấp cho bà Bùi Thị Như S ngày 03/9/2002.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, tính đến ngày 16/5/2011 bà Bùi Thị Tuyết Nh đã trả cho Ngân Hàng số tiền lãi trong hạn là 67.166.000đ (Sáu mươi bảy triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Từ ngày 17/5/2011, bà Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như hợp đồng đã ký kết, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn kể từ ngày 17/5/2011. Tính đến hết ngày 01/9/2017, bà Nh còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền là 1.944.540.000đ (Trong đó tiền gốc là 600.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 75.540.000đ, lãi quá hạn là 1.269.000.000đ). Nay Ngân hàng yêu cầu bà Bùi Thị Tuyết Nh phải trả cho Ngân hàng một lần toàn bộ số nợ nêu trên và toàn bộ tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 02/9/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Sau khi bà Bùi Thị Tuyết Nh trả hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng sẽ trả lại cho bà Bùi Thị Tuyết Nh một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 235834, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01479/QSDĐ/ST-DK do Ủy ban nhân dân huyện DK cấp cho bà Bùi Thị Tuyết Nh ngày 03/9/2002; trả cho bà Bùi Thị Minh Ng 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 235835, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01480/QSDĐ/ST-DK do Ủy ban nhân dân huyện DK cấp cho bà Bùi Thị Minh Ng ngày 03/9/2002 và trả cho bà Bùi Thị Như S một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 235837, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01487/QSDĐ/ST-DK do Ủy ban nhân dân huyện DK cấp cho bà Bùi Thị Như S ngày 03/9/2002. Trong trường hợp bà Bùi Thị Tuyết N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP KL, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền, tiến hành kê biên, phát mãi các tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất mà bà Nh, bà Ng và bà S đã thế chấp cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết và cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Bùi Thị Tuyết Nh – chủ hộ kinh doanh Bùi Thị Tuyết Nh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Minh Ng, bà Bùi Thị Như S nhưng các bà Nh, Ng, S cố tình vắng mặt, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Bùi Thị Tuyết Nh phải cho Ngân hàng TMCP KL toàn bộ số nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số TD1547/HĐTD kể từ ngày 02/9/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp bà Nh đã thanh toán hết các khoản nợ thì Ngân hàng phải trả lại toàn bộ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà S, Nh, Ng đã thế chấp. Trường hợp bà Bùi Thị Tuyết Nh vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, các bà S, Ng không thực hiện nghĩa vụ bảo thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền, tiến hành kê biên, phát mãi các tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất mà bà Nh, bà Ng và bà S đã thế chấp cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ. Về án phí: Bà Bùi Thị Tuyết Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Ngân hàng TMCP KL khởi kiện bà Bùi Thị Tuyết Nh – chủ hộ kinh doanh Bùi Thị Tuyết Nh. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý, giải quyết vụ án kinh doanh thương mại và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Bùi Thị Tuyết Nh – chủ hộ kinh doanh Bùi Thị Tuyết Nh, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Bùi Thị Minh Ng và bà Bùi Thị Như S nhưng đều vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai, tiếp cận chứng cứ, hòa giải và tại các phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ.

*** Về nội dung:**

[1] Hợp đồng tín dụng số TD1547/HĐTD và các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC0843/HĐTC, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số TC0845/HĐTC, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số TC0844/HĐTC được ký kết ngày 17/11/2010 giữa Ngân hàng TMCP KL - Chi nhánh Khánh Hòa và bà Bùi Thị Tuyết Nh, bà Bùi Thị Như S, bà Bùi Thị Minh Ng là những tình tiết sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 16/5/2011 bà Bùi Thị Tuyết Nh đã trả cho Ngân Hàng số tiền lãi trong hạn là 67.166.000đ (*Sáu mươi bảy triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*). Nhưng từ ngày 17/5/2011 bà Bùi Thị Tuyết Nh đã vi phạm thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng số TD1547/HĐTD ngày 17/11/2010 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, việc Ngân hàng TMCP KL khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Tuyết Nh trả nợ do vi phạm hợp đồng tín dụng là có cơ sở.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP KL về việc yêu cầu bà Bùi Thị Tuyết Nh phải trả cho Ngân hàng các khoản gồm: tiền gốc là 600.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 75.540.000đ, lãi quá hạn là 1.269.000.000đ, tổng cộng là 1.944.540.000đ (*Một tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng*) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 02/9/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà Bùi Thị Tuyết Nh không thanh toán tiền vay và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số TD1547/HĐTD ngày 17/11/2010 giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 1547.1 ngày 17/11/2010 là vi phạm nghĩa vụ thanh toán; Đồng thời việc bị đơn bà Bùi Thị Tuyết Nh, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Bùi Thị Minh Ng, Bùi Thị Như S không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình là dùng tài sản của mình để bảo đảm cho khoản tiền vay của bà Bùi Thị Tuyết Nh là vi phạm các thỏa thuận đã ký kết, xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của Ngân hàng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL, buộc bà Bùi Thị Tuyết Nh phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 01/9/2017 là 1.944.540.000đ (*Một tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng*) và tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/9/2017) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Nh phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Đối với tài sản thế chấp mà bị đơn, Bùi Thị Tuyết Nh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Bùi Thị Minh Ng; Bùi Thị Như S đã thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho khoản tiền vay của bà Bùi Thị Tuyết Nh theo hợp đồng tín dụng số TD 1547/HĐTD ngày 17/11/2010. Xét: Các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất gồm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC0843/HĐTC, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số TC0845/HĐTC, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số TC0844/HĐTC được ký kết ngày 17/11/2010 giữa Ngân hàng và bà Bùi Thị Tuyết Nh, bà Bùi Thị Như S, bà Bùi Thị Minh Ng đã được công chứng và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa ngày 17/11/2010, nên các hợp đồng thế chấp này là hợp pháp. Tại Điều 1 và Điều 2 của các hợp đồng thế chấp có các nội dung thế chấp như sau: Thế chấp quyền sử dụng đất tại thôn DS, xã ST, huyện DK (*nay là huyện CL*), Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 235834, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01479/QSDĐ/ST-DK do Ủy ban nhân dân huyện DK cấp cho bà Bùi Thị Tuyết Nh ngày 03/9/2002; Thế chấp quyền sử dụng đất tại thôn DS, xã ST, huyện DK (*nay là huyện CL*), Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 235835, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01480/QSDĐ/ST-DK do Ủy ban nhân dân huyện DK cấp cho bà Bùi Thị Minh Ng ngày 03/9/2002; Thế chấp quyền sử dụng đất tại thôn DS, xã ST, huyện DK (*nay là huyện CL*), Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 235837, số vào sổ cấp GCN QSDĐ 01487/QSDĐ/ST-DK do Ủy ban nhân dân huyện DK cấp cho bà Bùi Thị Như S ngày 03/9/2002 và các tài sản thế chấp này được đảm bảo cho khoản nợ phải trả, bao gồm: Nợ gốc, tiền lãi, tiền phạt và các chi phí hợp lý khác phát sinh (*nếu có*) được xác định tại hợp đồng tín dụng số TD 1547/HĐTD, ngày 17/11/2010 và các hợp đồng tín dụng khác, các phụ lục hợp đồng tín dụng phát sinh trước và sau ngày ký hợp đồng thế chấp được giao kết giữa Ngân hàng TMCP KL – Chi nhánh Khánh Hòa với bà Bùi Thị Tuyết Nh với số tiền vay tối đa là 600.000.000đ. Do vậy, khi bà Nh vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi của hợp đồng và những người bảo lãnh cũng không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho bà Nh là xâm phạm quyền lợi của Ngân hàng TMCP KL. Vì vậy, tài sản thế chấp mà bà Nh, bà Ng, bà S đã thế chấp cho

Ngân hàng để bảo lãnh cho khoản nợ vay của bà Nh sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật trong quá trình thi hành án nếu bà Nh không thi hành khoản nợ trên.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí KDTM-ST đối với số tiền 1.944.540.000đ theo quy định là: $36.000.000đ + ((1.944.540.000 - 800.000.000) \times 3\%) = 70.336.200đ$ (Bảy mươi triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP KL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.118.000đ (Ba mươi bốn triệu một trăm mười tám ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0006050 ngày 14/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng các Điều 302; Điều 355; Điều 471; Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP KL, buộc bị đơn bà Bùi Thị Tuyết Nh – chủ hộ kinh doanh Bùi Thị Tuyết Nh phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP KL số tiền **1.944.540.000đ** (Một tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng), (trong đó nợ gốc là 600.000.000đồng; tiền lãi trong hạn là 75.540.000đồng, tiền lãi quá hạn là 1.269.000.000đồng).

1.1 Trong trường hợp bà Bùi Thị Tuyết Nh – chủ hộ kinh doanh Bùi Thị Tuyết Nh không thanh toán số nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP KL có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thi hành án theo quy định của pháp luật là lô đất tại thôn DS, xã ST, huyện DK (nay là huyện CL), Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số T 235834, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01479/QSDĐ/ST-DK do Ủy ban nhân dân huyện DK cấp ngày 03/9/2002 đứng tên bà Bùi Thị Tuyết Nh; Lô đất tại thôn DS, xã ST, huyện DK (nay là huyện CL), Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 235835, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01480/QSDĐ/ST-DK do Ủy ban nhân dân huyện DK cấp ngày 03/9/2002 đứng tên bà Bùi Thị Minh Ng; Lô đất tại thôn DS, xã ST, huyện DK (nay là huyện CL), Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 235837, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01487/QSDĐ/ST-DK do Ủy ban nhân dân huyện DK cấp ngày 03/9/2002 đứng tên bà Bùi Thị Như S.

1.2 Khi bà Bùi Thị Tuyết Nh thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP KL có trách nhiệm trả lại cho bà Bùi Thị Tuyết Nh; Bùi Thị Minh Ng; Bùi Thị Như S: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 235834, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01479/QSDĐ/ST-DK do Ủy ban nhân dân huyện DK cấp ngày 03/9/2002 đứng tên bà Bùi Thị Tuyết Nh (Bản chính); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 235835, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01480/QSDĐ/ST-DK do Ủy ban nhân dân huyện DK cấp ngày 03/9/2002 đứng tên bà Bùi Thị Minh Ng (Bản chính) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 235837, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01487/QSDĐ/ST-DK do Ủy ban nhân dân huyện DK cấp ngày 03/9/2002 đứng tên Bùi Thị Như S (Bản chính).

1.3 Về lãi suất áp dụng tính lãi và thời hạn: Bà Bùi Thị Tuyết Nh - chủ hộ kinh doanh Bùi Thị Tuyết Nh phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/9/2017) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Nhung phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Tuyết Nh phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 70.336.200đ (*Bảy mươi triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm đồng*).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP KL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.118.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0006050 ngày 14/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z.

Quy định chung: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Z;
- THADS Tp. Z;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hạng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hạng